

Bản án số: **38/2021/HS-PT**
Ngày: 13 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Ông **Võ Minh Triều**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Lê Thị Thúy N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Thúy N, sinh năm 1963 tại huyện O, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Đ; chồng: Nguyễn Thành T1; con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2016 theo Quyết định truy nã số 05 ngày 30/5/2016 đến ngày 27/12/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh đến nay. Ngày 29/11/2018, bị cáo bị ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, thời gian điều trị từ ngày 10/12/2018 đến ngày 22/01/2020 bị cáo được đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh. (Bị cáo tại ngoại có mặt).

- Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư **Bùi Văn T2** – Công ty Luật TNHH Quân Nguyễn và cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Các bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình sinh sống tại ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang, từ ngày 25/01/2012 (âm lịch) đến ngày 30/5/2013 (âm lịch) Lê Thị Thúy N tham gia chơi hội và vay tiền, vàng của nhiều người, đến ngày 08/6/2013 (âm lịch) nhằm ngày 15/7/2013 (dương lịch) N bỏ trốn khỏi địa phương, đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản các bị hại gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị P, Đặng Thị L, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị H1, Nguyễn Kim H2, Huỳnh Thị H3, Đoàn Thị U. Quá trình điều tra xác định như sau:

1. Đối với bà Nguyễn Thị X:

Ngày 16/10/2012 (âm lịch) nhằm ngày 29/11/2012 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: Nguyễn Thị X đứng tên chơi giùm cho N 01 phần hội do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hội (hội 1.000.000 đồng/phần, 15 ngày khai một lần, có 30 phần), X đã hốt phần hội chơi giùm cho N, N nợ bà X 01 phần hội chết 17 lần là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Ngày 06/6/2012 (âm lịch) nhằm ngày 24/7/2012 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: Nguyễn Thị X tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị Kim Oánh làm chủ hội (hội 500.000 đồng/phần, 10 ngày khai một lần, có 40 phần), X tham gia 04 phần và đã hốt 01 phần cho N mượn không nhớ bao nhiêu tiền. Lê Thị Thúy N thừa nhận đến dây hội này mãi, N trả cho X số tiền là 20.000.000 đồng.

Ngày 15/01/2013 (âm lịch), nhằm ngày 24/02/2013 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: Nguyễn Thị X đứng tên chơi hội giùm 01 phần hội do bà Trần Thị H1 làm chủ hội (hội 500.000 đồng/phần, 15 ngày khai một lần, có 32 phần), sau đó N bán lại cho X phần hội này và thỏa thuận đến dây hội này mãi, N trả cho X 31 lần phần hội chết là 15.500.000 đồng.

Ngày 16/5/2013 (âm lịch) nhằm 23/6/2013 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: Nguyễn Thị X cho N vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với lãi suất 03%/tháng.

Như vậy, tổng cộng số tiền Lê Thị Thúy N đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Nguyễn Thị X là 152.500.000 đồng.

2. Đối với bà Nguyễn Thị P:

Ngày 06/12/2012 (âm lịch) nhằm ngày 17/01/2013 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: Nguyễn Thị P tham gia 01 phần do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hội (loại hội 500.000 đồng/phần, 7 ngày khai một lần, có 40 phần), khai lần thứ tư Nguyễn Thị P hốt được 15.650.000 đồng, Nguyễn Thị P cho N mượn tiền phần hội này và thỏa thuận đến đây hội này mãi, N trả cho bà P số tiền là 19.000.000 đồng.

Ngày 04/11/2012 (âm lịch) nhằm ngày 16/12/2012 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: nhờ Nguyễn Thị P hỏi giùm 02 chỉ vàng 24k, bà P hỏi vàng của Như (cháu của bà P) 02 chỉ vàng 24k, lãi suất 600.000 đồng/tháng, bà P đưa vàng trực tiếp cho bà N.

* Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U kết luận 01 sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 8.200.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền Lê Thị Thúy N đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Nguyễn Thị P là 27.200.000 đồng.

3. Đối với bà Đặng Thị L:

Ngày 30/11/2012 (âm lịch) nhằm ngày 16/02/2013 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: nhờ Nguyễn Thị P vay tiền giùm số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Sau đó bà P kêu con gái ruột là Đặng Thị L cho N vay 10.000.000 đồng, với lãi suất 05%/tháng, L đưa tiền trực tiếp cho N.

Như vậy, số tiền Lê Thị Thúy N đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Đặng Thị L là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4. Đối với bà Nguyễn Thị Đ:

Ngày 25/01/2012 (âm lịch) nhằm ngày 16/02/2012 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: N tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hội (loại hội 5.000.000 đồng/phần, 01 tháng khai một lần, có 20 phần), N tham gia 01 phần và đã hốt, còn nợ bà Nguyễn Thị Đ 02 lần phần hội chết là 10.000.000 đồng.

Ngày 16/10/2012 (âm lịch) nhằm ngày 29/11/2012 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: N tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hội (loại hội 1.000.000 đồng/phần, 15 ngày khai một lần, có 30 phần), N tham gia 03 phần, đã hốt 02 phần (trong đó chơi giùm K, em ruột 01 phần, K đã đóng tiền phần chết cho bà Đ đủ). N còn nợ bà Đ 01 phần hội chết 18 lần là 18.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2012 (âm lịch) nhằm ngày 17/01/2013 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: N tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hội (loại hội 500.000 đồng, 7 ngày khai một lần, có 40 phần). N tham gia 03 phần, đã hốt 02 phần, còn 01 phần sống. N nợ bà Đ 02 phần chết 27 lần là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), N đóng tiền 01 (một) phần sống được 13 lần là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Lê Thị Thúy N còn nợ bà Đ trong đây hội này là 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền Lê Thị Thúy N đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Nguyễn Thị Đ là 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Đối với bà Trần Thị H1 (vợ 5 Thọ):

Ngày 25/02/2012 (âm lịch) nhằm ngày 17/3/2012 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: N tham gia chơi hụi do bà Trần Thị H1 làm chủ hụi (loại hụi 500.000 đồng/phần, 01 tháng khai một lần, có 31 phần), N tham gia 02 phần và đã hốt. Lê Thị Thúy N nợ bà H1 trong dây hụi này là 02 phần chết 15 lần là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ngày 30/01/2013 (âm lịch) nhằm ngày 10/3/2013 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: N tham gia chơi hụi do bà Trần Thị H1 làm chủ hụi (loại hụi 500.000 đồng/phần, 15 ngày khai một lần, có 34 phần), N tham gia 01 phần và đã hốt. Lê Thị Thúy N nợ bà H1 trong dây hụi này là 01 phần chết 26 lần là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền Lê Thị Thúy N đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Trần Thị H1 là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

6. Đối với bà Nguyễn Kim H2:

Ngày 19/5/2012 (âm lịch) nhằm ngày 07/7/2012 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: N tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Kim H2 làm chủ hụi (loại hụi 5.000.000 đồng/phần, 01 tháng khai một lần, có 20 phần), bà N tham gia 01 phần và đã hốt. Lê Thị Thúy N nợ bà Kim H2 trong dây hụi này là 01 phần chết 07 lần là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Như vậy, số tiền Lê Thị Thúy N đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Nguyễn Kim Hai là 35.000.000 đồng.

7. Đối với bà Huỳnh Thị H3:

Ngày 18/4/2012 (âm lịch) nhằm ngày 07/6/2012 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: Bà H3 cho N vay 05 chỉ vàng 24k, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng.

* Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U kết luận 01 sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 20.500.000 đồng. Như vậy, số tiền Lê Thị Thúy N đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Huỳnh Thị H3 là 20.500.000 đồng.

8. Đối với bà Đoàn Thị U:

Ngày 30/5/2013 (âm lịch) nhằm ngày 07/7/2013 (dương lịch), Lê Thị Thúy N thừa nhận: Bà Đoàn Thị U cho N vay 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), lãi suất 25.000 đồng/ngày. Số tiền Lê Thị Thúy N đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Đoàn Thị U là 5.000.000 đồng.

Sau khi tham gia chơi hụi, vay tiền và vàng của những người nêu trên, đến ngày 15/7/2013 (nhằm ngày 08/6/2013 âm lịch), N bỏ trốn khỏi địa phương, nhằm để chiếm đoạt tiền hụi, tiền vay và vàng. Tổng số tiền mà bị cáo Lê Thị Thúy N đã

lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của các bị hại trị giá là 326.700.000 đồng. Do không biết N đang ở đâu, làm gì hơn 03 năm và không liên lạc để trả nợ, nên những bị hại có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với N theo qui định pháp luật. Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U tiến hành xác minh, thông báo N không có mặt tại địa phương và đăng tin tìm kiếm 03 kì trên phương tiện thông tin đại chúng và phát trên sóng truyền hình vào 03 ngày liên tục. Đến ngày 08/3/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ngày 10/9/2016, N bị bắt theo quyết định truy nã.

*** *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2017/HSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện U đã quyết định:***

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 140; khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

*** *Xử phạt:*** Bị cáo **Lê Thị Thúy N - 06 (sáu) năm tù** về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/8/2017 bị cáo Lê Thị Thúy N có đơn kháng cáo kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội.

*** *Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 143/2018/HSPT ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ về Viện kiểm sát nhân dân huyện U điều tra lại theo thủ tục chung.

*** *Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Áp dụng: Khoản 3 Điều 175; khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*** *Xử phạt:*** Bị cáo **Lê Thị Thúy N - 05 (Năm) năm tù** về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2016 đến ngày 27/12/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** *Sau khi xét xử sơ thẩm,*** ngày 22/7/2020 bị cáo Lê Thị Thúy N có đơn kháng cáo kêu oan, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*** *Bị cáo N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo kêu oan.***

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:* Bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo bị oan, bị cáo không phạm tội, tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xét thấy, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục như: Sau khi tiếp nhận đơn của người bị hại, Cơ quan điều tra đã xác minh địa chỉ, sự có mặt của bị cáo tại địa phương; ban hành các thông báo vắng mặt và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị cáo không đến cơ quan công an làm việc, sau đó cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã bắt bị cáo, tại biên bản bắt người bị truy nã thì bị cáo cũng đã thừa nhận. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không oan cho bị cáo. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tới tài sản hợp pháp của những người bị hại, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù đầu khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ nhận định trên, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

** Luật sư Bùi Văn T2 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo cho rằng:* Bị cáo khi đi có báo lại chính quyền địa phương, có xác nhận của Ủy ban xã Tân Xuân, có xác nhận của bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh là bị cáo có điều trị, bị cáo có thường X liên hệ với bị hại, việc này được bà X có thừa nhận thời gian đầu bị cáo có báo với bà X là đi Thành phố Hồ Chí Minh. Các bị hại cũng đã thống nhất số nợ, bị cáo thực hiện trả nợ một, hai lần nhưng sau đó không có khả năng trả nợ nữa. Sau này, con bị cáo là anh Tân đã trực tiếp đến nhà các bị hại để viết giấy trả nợ thay cho bị cáo. Mặt khác, do trình độ nhận biết của bị cáo hạn chế, bị cáo hiện đang bị bệnh. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét tuyên cho bị cáo không phạm tội như đơn kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Bị cáo Lê Thị Thúy N vừa tham gia chơi hụi, vừa vay tiền, vàng của nhiều bị hại với tổng giá trị là 326.700.000 đồng. Sau đó mất khả năng thanh toán, bị cáo đã

bỏ địa phương đi, không thông báo, trong thời gian dài bị cáo không liên lạc với gia đình và các bị hại nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Hành vi của bị cáo N là lợi dụng lòng tin của các bị hại thông qua hình thức chơi hụi và vay tiền, vàng hợp pháp, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Do vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội; thừa nhận còn nợ các bị hại số tiền như án sơ thẩm đã tuyên, riêng số tiền còn nợ của bà X thì bị cáo không thống nhất và cho rằng chỉ còn nợ bà X là 100.000.000 đồng; và cho rằng bị cáo không bỏ trốn mà lên Thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê và đi điều trị bệnh. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng:

Sau khi có đơn yêu cầu giải quyết của các bị hại, Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh đã xác minh địa chỉ và sự có mặt của bị cáo N tại địa phương. Tại Biên bản xác minh ngày 29/9/2015 thể hiện: “Bị cáo N có hộ khẩu thường trú tại địa phương, bị cáo cùng chồng đã bỏ địa phương đi cách nay khoảng hai năm không biết đi đâu và làm gì, không về địa phương lần nào, hiện tại không có mặt tại địa phương” (BL 67). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo N đều thừa nhận: Lúc bị cáo bỏ đi bị cáo không cho chồng, con biết, không báo cho chủ nợ biết cũng như không thông báo với chính quyền địa phương, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương là do thiếu nợ không có khả năng trả. Cơ quan điều tra đã ra Thông báo số 02/TB-CSĐT ngày 09/11/2015 về việc bị cáo N không có mặt tại địa phương; thông báo này có giao cho anh Nguyễn Thành T3 (con ruột của bị cáo N) nhận; và được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3 số liên tiếp và sau đó đã ra Quyết định truy nã đối với bị cáo.

Mặt khác, theo lời khai của anh Nguyễn Thành T3 (con trai của bị cáo) cũng khai nhận “Ông Nguyễn Ngọc Tấn cán bộ điều tra có xuống hỏi tôi về việc bị cáo rời khỏi địa phương, tôi nói không biết”. Lời khai của bị hại X tại phiên tòa phúc thẩm cũng khai rằng: “Bị cáo đi nửa tháng có điện về cho tôi một lần, sau đó thì mất liên lạc, tôi xuống nhà con gái bị cáo để hỏi nhưng cũng không biết bị cáo đi đâu và kêu tôi đừng xuống tìm bị cáo nữa”.

Như vậy, trong thời gian bỏ địa phương đi bị cáo không báo chính quyền địa phương, cũng không liên lạc về cho các bị hại, những người thân trong gia đình bị cáo cũng không biết bị cáo đi đâu. Do đó, đơn kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo không bỏ trốn, mà đi Thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn và điều trị bệnh là không có căn cứ chấp nhận.

HĐXX xét thấy, bị cáo N đã lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại để chiếm đoạt tài sản của các bị hại thông qua hình thức chơi hụi và hợp đồng vay, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương trong thời gian dài để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nên cấp sơ

thẩm xử phạt bị cáo N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 và mức án 05 (năm) năm tù là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật, không oan cho bị cáo. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không đưa ra được chứng cứ khác để chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của Luật sư: Luật sư đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tuyên bị cáo không phạm tội với lý do bị cáo không có dấu hiệu bỏ trốn, khi đi bị cáo có báo chính quyền địa phương và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Xuân nơi bị cáo N tạm trú là không có cơ sở chấp nhận, việc bị cáo không thừa nhận mình bỏ trốn nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật, cũng như nhận định phân tích trên của HĐXX. Vì vậy, nghĩ cần bác lời bào chữa của vị Luật sư là thỏa đáng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thị Thúy N.**
- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2020/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. **Áp dụng:** Khoản 3 Điều 175, khoản 2 Điều 51, điểm g và i khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Thúy N - 05 (Năm) năm tù** về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2016 đến ngày 27/12/2016.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án số 19/2020/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKSND huyện(1)
- TAND huyện (1)
- THA hình sự huyện (1)
- CC THADS huyện (1)
- Bị cáo (1);
- Lưu (7).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang